TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đẳng;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2020/TLST -HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ánh H, sinh năm: 1990 (có mặt).

HKTT: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Hiện ở: Ấp Đá Bạc, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Chung Văn K, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2020, các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Ánh H trình bày:

Bà với ông K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống và có 01 con chung nhưng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong lối sống, chồng

không chăm lo cho gia đình, mặc dù cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng đã không chung sống với nhau từ khoảng năm 2015 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng với ông K không còn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung vợ chồng có 1 con chung tên Chung Gia B, sinh ngày 20/3/2013 hiện do bà nuôi. Bà yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, do ông K có nghề làm nhôm thu nhập khi còn chung sống là khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, cháu Chung Gia B trình bày: Cháu hiện sống với mẹ, sau khi cha mẹ không chung sống với nhau, cháu muốn sống cùng với mẹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định, vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông K, giao con chung tên Chung Gia B cho bà H nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có nên không yêu cầu. Án phí đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phạm Ánh H và ông Chung Văn K được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Chung Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ánh H và ông Chung Văn K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Phạm Ánh H và ông Chung Văn K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Phạm Ánh H và ông Chung Văn K xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H, ông K không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn chung

sống với nhau, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Tên Chung Gia B, sinh ngày 20/3/2013, xét thấy, hiện do bà H nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, tại phiên tòa, con chung có nguyện vọng sống với mẹ, ông K không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung của bà H nên để đảm bảo sự phát triển bình thường và quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung, giao con chung tên Chung Gia B, sinh ngày 20/3/2013 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, vì vậy, ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H. Về mức cấp dưỡng, xét thấy, ngoài lời trình bày về thu nhập của ông K, bà H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông K có mức thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông buộc ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

Nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Ánh H phải chịu 300.000 đồng. Ông Chung Văn K phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ánh H được ly hôn với ông Chung Văn K.

- Về con chung: Giao con chung tên Chung Gia B, sinh ngày 20/3/2013 cho bà Phạm Ánh H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Chung Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Chung Văn K cấp dưỡng nuôi con chung tên Chung Gia B, sinh ngày 20/3/2013 cho bà Phạm Ánh H mỗi tháng 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

Nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Ánh H phải chịu 300.000 đồng. Bà Phạm Ánh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006047 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Ông Chung Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng (chưa nộp).

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA